

Số: **284/2019/QĐST-HNGĐ**

Bắc Giang, ngày 05 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Hồ sơ dân sự thụ lý số: 298/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/7/2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1980.
2. Bị đơn: Anh Thân Văn M, sinh năm 1975.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
 - 3.1. Ông Thân Văn C, sinh năm 1954;
 - 3.2. Bà Dương Thị T, sinh năm 1957.

Đều có nơi cư trú tại: Số nhà 186M, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị K và anh Thân Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh Thân Văn M trực tiếp nuôi con chung là cháu Thân Mạnh C. Việc cấp dưỡng không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị K không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

Chị Nguyễn Thị K không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Thân Văn M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Nguyễn Thị K.

2.2. Về tài sản:

Chị K, anh M, ông C và bà T đều đề nghị Tòa án ghi nhận về sự thống nhất thỏa thuận đối với toàn bộ tài sản, như sau:

Anh Thân Văn M có quyền sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản của vợ chồng, bao gồm:

2.2.1. Một nhà 3 tầng đồ trần, chống nóng có diện tích 60m²/sàn xây năm 2012 trên diện tích 61,4m² đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất seri số W 096661, vào sổ cấp số: 01280 QSD(TX) Q1-T96 thửa đất số: 323; số tờ bản đồ: 19 do UBND thị xã B (nay là UBND thành phố B) cấp ngày 27/11/2002 mang tên hộ ông Thân Văn C, sinh năm 1954, địa chỉ tại: Cụm 2b, T, thị xã Bg, tỉnh Bắc Giang, nay là địa chỉ: Số 186M, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;

2.2.2. Quyền sử dụng diện tích 100m² đất ở nông thôn tại thửa số 92 tờ bản đồ số 22, địa chỉ: thôn T, xã N, huyện V tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất seri số: BC 134267 vào sổ cấp GCNQSDĐ: CH00145 do UBND huyện V cấp ngày 09/09/2010 mang tên ông Thân Văn M.

2.2.3. Quyền sử dụng diện tích 100m² tại thửa số 11, tờ bản đồ theo sơ đồ phân lô địa chỉ: thôn 2 xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất seri số CQ 071153 vào sổ cấp GCN: CH 02577; QĐ số: 1301/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 số địa chính trang 162 quyển 01/2018, mang tên chủ sử dụng đất bà Nguyễn Bích H, sinh năm 1987, địa chỉ: Số 760, đường T, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V xác nhận nội dung thay đổi chủ sở hữu sang cho ông Thân Văn Mạnh, sinh năm 1975, số CMND: 121 269 626 hộ khẩu thường trú: Số nhà 186, đường N, phường T, thành phố B theo hồ sơ biến động số: 000363. CN.161 ngày 30/11/2018

2.2.4. Một xe ô tô biển số 98A- 033.70 loại xe ô tô con 5 chỗ màu đen nhãn hiệu COROLLA TOYOTA. Giấy chứng nhận đăng ký xe số 010169 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 21/08/2013 mang tên anh Thân Văn M.

2.2.5. Toàn bộ vốn và quyền sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng và thương mại AMC có mã số 2400843128 đăng ký ngày 13/07/2018 do Thân Văn M đứng tên chủ sở hữu doanh nghiệp. Vốn điều lệ đăng ký là 9.000.000.000 đồng.

2.2.6. Anh Thân Văn M có trách nhiệm trích chia cho chị Nguyễn Thị K số tiền chênh lệch về tài sản là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

2.2.7. Chị Nguyễn Thị K và anh Thân Văn M, ông Thân Văn C và bà Dương Thị T thống nhất thỏa thuận xác định diện tích 61,4m² đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Thân Văn C, sinh năm 1954 tại thửa đất số 323 địa chỉ tại số 186M, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc

Giang là đất của ông Thân Văn C và bà Dương thị T. Anh M, chị K cùng vợ chồng ông Thân Văn C, bà Dương Thị T đã xây dựng ngôi nhà như đã nêu tại mục 2.2.1. Nay các bên thống nhất việc anh Thân Văn M được sở hữu ngôi nhà có trên đất. Sau này giữa anh Thân Văn M và bố mẹ đẻ là ông Thân Văn C và bà Dương Thị T sẽ tự thỏa thuận liên quan đến nhà đất, trường hợp không tự thỏa thuận được sẽ nhờ cơ quan chức năng giải quyết bằng vụ việc độc lập không liên quan đến chị Nguyễn Thị K.

2.3 Về án phí:

Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000504 ngày 24/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị K đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị K số tiền 25.875.000 đồng tạm ứng án phí chia tài sản theo biên lai số: AA/2016/0000679 ngày 23/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Hoàn trả cho Thân Văn M số tiền 25.875.000 đồng tạm ứng án phí chia tài sản theo biên lai số: AA/2016/0000676 ngày 21/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS TP B;
- VKSND tp B;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trần Kiên